

Số: /BC-THHT

Hùng Thắng, ngày tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
Sơ kết học kỳ I Năm học 2025-2026

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô

- Số lớp, số học sinh

Tổng số lớp	Tổng số HS	Lớp 1			Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Số lớp	Số HS	Số HS tuyển mới	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
28	906	6	179	171	5	147	6	197	5	168	6	215

* Số lớp: 28 lớp. Số học sinh: 906HS.

- So với cùng kì năm học 2024-2025 (tăng/giảm về số lớp, số HS): giảm 0 lớp, giảm 38HS

- So với đầu năm học (tăng, giảm về số lớp, số HS): giảm 04HS

Lí do: Số HS chuyển đi: 08; Số HS chuyển đến: 04; Số HS bỏ học: 0

*** Trong đó:**

- Số học sinh học 2 buổi/ngày: 906HS, đạt tỉ lệ 100%;

- Số học sinh học ngoại ngữ: 906 HS, đạt tỉ lệ 100%;

- Số học sinh học tin học: 580HS, đạt tỉ lệ 100% (so với HS lớp 3, 4, 5);

- Số HS lưu ban năm học 2024-2025: 10 HS, chiếm tỉ lệ 1,1%;

- Số HS diện chính sách: HS khuyết tật hưởng trợ cấp xã hội 09 HS, chiếm tỉ lệ 0,1%; Cận nghèo: 6 HS, chiếm tỉ lệ 0,66%; con mồ côi (cha hoặc mẹ): 18 HS chiếm tỉ lệ 1,99%;

- Số HS khuyết tật học hòa nhập: 25 HS (chiếm tỉ lệ 2,76%);

- Số HS học đúng độ tuổi: 866/906HS, đạt tỉ lệ 95,6%.

Chia ra:

✓ Khối 1: 171/179HS = 96,5%;

✓ Khối 2: 143/147HS = 97,3%;

✓ Khối 3: 186/197HS = 94,4%;

✓ Khối 4: 161/168HS = 95,8%;

✓ Khối 5: 205/215HS = 95,3%;

2. Đội ngũ CBQL, GVNV

+ Tổng số CBQL, GVNV: 44

+ Trong đó :

- Biên chế: 39 ; hợp đồng: 05 ;

- Đảng viên: 27

- CBQL : 02 người. Trình độ:

+ Chuyên môn: Đại học 02 người

+ Lý luận chính trị : Trung cấp 02 người

+ QLNN: 02 người

+ QLGD: 02 người

- Giáo viên giảng dạy: 37/28 lớp, đạt tỷ lệ : 1,32 GV/lớp (chỉ tính diện BC và HĐ theo ND111). GV TPT Đội : 01

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ : 01 ; Đại học: 34 ; Cao đẳng: 03.

+ Cơ cấu GV :

Môn dạy		Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	N.ngữ	Thể dục	Tin học
Số lượng		32	1	0	4	0	1
Chia ra:	Biên chế	30	1	0	3	0	1
	HĐ xã	02	0	0	1	0	0

- Nhân viên: 04 Trình độ: 02 đại học, 01 trung cấp, 01 sơ cấp

Chia ra :

Nhân viên		Kế toán	Văn thư	Thư viện - thiết bị	Bảo vệ	NV Khác
Số lượng		1	1	1	1	0
Chia ra:	Biên chế	1	0	1	0	0
	HĐ xã	0	1	0	1	0

- Giáo viên: Về số lượng: Tính tỉ lệ 1,5 GV/lớp, trường còn thiếu 05 giáo viên; Về cơ cấu: trường thiếu giáo viên dạy Mỹ thuật, Thể dục và thiếu 03 giáo viên dạy các môn văn hoá.

3. Cơ sở vật chất

3.1. Diện tích, khuôn viên

- Diện tích: 9689m², bình quân đạt 10,69m²/HS.

- Khuôn viên, quy hoạch: Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, phù hợp với sự phát triển của nhà trường trong tương lai, khu lớp học và các công trình phụ trợ được bố trí hợp lý. Hệ thống cây xanh đảm bảo đủ diện tích quy định và được chăm sóc thường xuyên.

3.2. Khối phòng học tập: Tổng số 35 phòng (đủ)

Chia ra :

- Phòng học: 28 (trong đó có 0 phòng học mượn, tạm).
- Phòng ngoại ngữ: 03 phòng
- Phòng Âm nhạc: 01 phòng
- Phòng Mỹ thuật: 01 phòng
- Phòng Tin học: 01 phòng
- Phòng đa chức năng: 01 phòng

3.3. Khối phòng hỗ trợ học tập: 05 phòng (đủ)

Chia ra:

- Phòng Thư viện: 1;
- Phòng Thiết bị giáo dục: 1;
- Phòng Tư vấn học đường: 1 (chung với phòng y tế);
- Phòng Truyền thống: 1 (chung với phòng Đội);
- Phòng Đội: 1.

3.4. Khối phòng hành chính, quản trị: 4 phòng (gồm 1 phòng hiệu trưởng, 1 phòng phó hiệu trưởng, 1 phòng kế toán, 1 phòng tiếp công dân).

3.5. Khối phụ trợ:

- Phòng họp: 01
- Y tế học đường: 01
- Công trình vệ sinh HS: 2. Đạt yêu cầu 2, không đạt yêu cầu 0
- Công trình vệ sinh GV: 2 Đạt yêu cầu 2, không đạt yêu cầu 0
- Nhà để xe cho HS: 245m², nhà để xe cho GV: 105m².

3.6. Sân chơi, sân tập thể dục thể thao

- Sân chơi: 3160m²
- Sân tập thể dục thể thao: 1300m²

3.7. Hạ tầng kỹ thuật

- Số máy tính phục vụ CBQL, GV, NV: 30

- Số máy tính phục vụ học tập của HS: 38
- => Đủ máy tính phục vụ học tập cho học sinh.

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN:

1. Thuận lợi:

- Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng, UBND xã Hùng Thắng.
- Nhà trường tranh thủ được sự quan tâm, ủng hộ, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, chính quyền và nhân dân xã Hùng Thắng và Ban đại diện Cha mẹ học sinh.
- Cán bộ quản lý của trường gồm 2 đồng chí đều có trình độ Đại học và trung cấp chính trị. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực, linh hoạt, sáng tạo, trách nhiệm trong công việc chung. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng.
- Đội ngũ giáo viên tâm huyết, nhiệt tình, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy. Giáo viên có tay nghề chắc chắn, có nhiều giáo viên dạy giỏi các cấp.
- Học sinh ngoan, có ý thức và nề nếp học tập tốt. Tích cực tham gia vào các phong trào học tập và các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Phụ huynh đồng thuận, tin tưởng, phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường, quan tâm đến công tác giáo dục.
- Nhà trường có đủ phòng học văn hóa 28 phòng/28 lớp; đầy đủ trang thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu hiện tại.
- Trường có hệ thống các phòng chức năng như phòng dạy học Âm nhạc, Tin học, ngoại ngữ, Mĩ thuật,... hệ thống máy tính, ti vi ở các phòng học, phòng chức năng đều được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy. Trên 90% cán bộ, giáo viên, nhân viên ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và công việc.

2. Khó khăn

- Một số ít giáo viên còn ngại tiếp cận kĩ thuật dạy học mới, việc đổi mới PPDH, ứng dụng CNTT còn chậm.
- Trường còn thiếu một số phòng chức năng (chưa có nhà đa năng, phòng tư vấn tâm lý, nhà ăn), trang thiết bị các phòng học môn chuyên chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn.
- Trường có nhiều học sinh khuyết tật học hòa nhập trong đó có nhiều em mức độ khuyết tật nặng có tác động không nhỏ đến chất lượng giáo dục (25 em = 2,76 %).
- Trường có nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh cận nghèo,

con mồ côi ở các lớp học (24 em = 2,65%).

- Nhà trường còn thiếu nhân sự: Thiếu giáo viên Thể dục, Mỹ thuật và giáo viên văn hoá.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Thực hiện kế hoạch thời gian năm học và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

1.1. Thực hiện kế hoạch thời gian năm học và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế và điều kiện thực hiện của nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch thời gian năm học và các chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học tự chọn, đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong chương trình cấp tiểu học; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường và của từng đối tượng học sinh, đảm bảo cuối năm học đạt yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình; tạo môi trường cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong chương trình các môn học/hoạt động giáo dục vào thực tiễn.

- Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững các mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa; đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường và đặc điểm đối tượng học sinh, Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp, điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện tổ chức dạy học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất.

1.2. Việc thực hiện dạy 2 buổi/ngày

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Cụ thể từng buổi thực hiện như sau:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung CTGDPT các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập các môn học và hoạt động giáo dục, các hoạt động giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông.

➤ Các điều kiện đảm bảo:

Trường	Giáo viên			Phòng học dạy 2 buổi/ngày	
	Tổng số GV (Biên chế + HĐ xã)	TS GV dạy 2 buổi/ngày	Tỷ lệ GV/lớp	Tổng số	Tỷ lệ phòng học /lớp
TH Hùng Thắng	38	37	1,32	28	28/28

Những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện dạy học 2 buổi/ngày:

- Chưa có GV chuyên dạy môn Thể dục, Mỹ thuật.
- Cơ sở vật chất phục vụ dạy học 2 buổi/ngày còn thiếu thiết bị trong phòng học các môn chuyên.

1.3. Tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình cấp tiểu học

a. Dạy học Tiếng Anh

* Dạy học tiếng Anh chương trình chính khóa:

- Số lớp, số HS học tiếng Anh: 28/28 lớp; 906/906 học sinh, đạt tỉ lệ 100%.

Cụ thể:

✓ Lớp 1, 2: 11 lớp, 326 học sinh, đạt tỉ lệ 100%; thời lượng khối 1: 3 tiết/tuần, khối 2: 2 tiết/tuần;

✓ Lớp 3, 4, 5: 17 lớp, 580 học sinh, đạt tỉ lệ 100%; thời lượng 4 tiết/tuần;

- Việc thực hiện các quy định về sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo đối với môn tiếng Anh, đảm bảo tính ổn định, liên thông giữa các khối lớp:

Lớp 1,2 sử dụng bộ sách Phonics Smart – LBUK của VPBOX; Lớp 3,4,5 sử dụng bộ sách Global success của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

- Kết quả tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học tiếng Anh (nếu có): Bổ sung 01 tivi 65inch; đồ dùng dạy học tiếng Anh được trang bị đầy đủ.

- Những khó khăn, bất cập trong dạy học tiếng Anh (về CSVC, giáo viên, học liệu,...):

Về CSVC: Phòng học tiếng Anh chưa được trang bị thiết bị của phòng học ngoại ngữ;

*** Đánh giá về chất lượng dạy học môn Tiếng Anh**

- 100% số HS được học Tiếng Anh.
- Học sinh nắm được kiến thức trọng tâm của các chủ điểm.
- Kỹ năng nghe nói của học sinh được cải thiện.
- Học sinh được giao tiếp nhiều, vốn từ vựng được mở rộng. Tự tin trong giao tiếp.
- Chất lượng môn Tiếng Anh của học sinh đã có chuyển biến tích cực.

4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được giáo viên quan tâm theo từng chủ đề. Đối với những file nghe đòi hỏi kỹ năng tổng hợp, không nằm trong các bài học, học sinh còn lúng túng, nghe chưa chính xác. Kỹ năng phát âm của HS còn nhiều hạn chế. Các bài kiểm tra định kỳ cũng đã thiết kế phần kiểm tra kỹ năng nói. Qua kiểm tra, kỹ năng nói của học sinh chưa đồng đều, nhiều học sinh còn rụt rè, nhút nhát.

b. Dạy học Tin học

Số HS lớp 3, 4, 5	Số lớp học Tin học	Số HS học Tin học	Chia ra (số HS)		
			Khối 3	Khối 4	Khối 5
580	17	580	197	168	215

- Việc đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy học môn Tin học:
- + CSVC: Trường bố trí 01 phòng Tin học với 38 bộ máy tính được kết nối mạng lan, các máy tính của học sinh đều được kết nối với máy chủ của giáo viên.
- + GV: trường có 01 giáo viên Tin học được đào tạo bằng cử nhân chuyên ngành.

*** Đánh giá về kết đạt được:**

Thực hiện đúng chương trình, thời lượng, thời khoá biểu dạy môn Tin học, giúp học sinh:

- Bước đầu hình thành cho học sinh tư duy giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính: Hình thành nhu cầu thu thập, sử dụng thông tin, ý tưởng điều khiển máy tính thông qua việc tạo chương trình đơn giản bằng ngôn ngữ lập trình trực quan.

- Giúp học sinh bước đầu quen với công nghệ kỹ thuật số thông qua việc sử dụng máy tính để vui chơi, học tập, xem và tìm kiếm thông tin trên Internet; rèn luyện cho học sinh một số kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy tính; biết bảo vệ sức khoẻ khi sử dụng máy tính, bước đầu có ý thức phòng tránh những tác hại khi sử dụng Internet.

* Những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện: Không.

2.4. Tổ chức các hoạt động liên kết

Nhà trường căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Công văn số 5997/SGDĐT-GDTC, GDNN&ĐH ngày 27/8/2025 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc Hướng dẫn tổ chức, hoạt động đối với trung tâm khác làm nhiệm vụ giáo dục thường xuyên để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc liên kết giáo dục.

Việc thực hiện các giải pháp quản lý đảm bảo chất lượng hoạt động liên kết:

Việc tổ chức dạy học liên kết đảm bảo sự thống nhất trong nhà trường và được sự thỏa thuận, tự nguyện của cha mẹ học sinh, đặc biệt là về thời gian, thời lượng học tập và kinh phí khi liên kết với Trung tâm;

Bộ phận chuyên môn lập sổ báo giảng, theo dõi kiểm diện học sinh, giáo viên giảng dạy; thường xuyên kiểm tra, dự giờ và có ý kiến phản hồi với trung tâm để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Báo cáo UBND xã về Kế hoạch hợp tác với Trung tâm, thời khoá biểu.

Trong học kì 1 năm học 2025-2026, nhà trường đã tổ chức các hoạt động liên kết sau:

- Liên kết triển khai chương trình tiếng Anh tăng cường với giáo viên người nước ngoài: số học sinh tham gia 574/906 học sinh, đạt tỉ lệ 63,3%; thời lượng 4 tiết/tháng.

- Liên kết triển khai giáo dục kỹ năng sống, giáo dục nghệ thuật

Số học sinh tham gia câu lạc bộ kỹ năng sống: 560/906 học sinh, đạt tỉ lệ 61,8%; thời lượng 2 tiết/tháng đối với lớp 3,4,5; thời lượng 4 tiết/tháng đối với lớp 1,2.

Số học sinh tham gia câu lạc bộ giáo dục nghệ thuật: Âm nhạc 135/906 = 14,9%; Mĩ thuật 186/906 = 21,6%.

- Tổ chức câu lạc bộ giáo dục STEM: Thời lượng 2 tiết/tháng đối với lớp 3,4,5; số học sinh tham gia 316/580 học sinh đạt tỉ lệ 54,5%.

1.5. Xây dựng và triển khai các hoạt động tích hợp, thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường

a. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo chương trình GDPT 2018

Đối với tài liệu giáo dục địa phương, ban giám hiệu đã chỉ đạo tổ chuyên môn lựa chọn các nội dung, chủ đề trong tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng đã được Bộ GDĐT phê duyệt, đồng thời chủ động điều chỉnh những ngữ liệu liên quan đến thay đổi địa giới hành chính bảo đảm phù hợp với đặc điểm của đơn vị hành chính sau sắp xếp và đáp ứng được yêu cầu của CTGDPT.

Chỉ đạo giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, phương thức, không gian, thời gian hoạt động phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế và nội dung giáo dục của các môn học; kết hợp học tập trên lớp với tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực hành, tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu, ngoại khóa, thực hiện dự án, hoạt động phục vụ cộng đồng, hoạt động tình nguyện, ... nhằm gắn lý luận với thực tiễn, tạo hứng thú học tập, nâng cao hiểu biết về thời sự, văn hóa, lịch sử, kinh tế - xã hội về địa phương cho học sinh.

b. Triển khai giáo dục STEM

Căn cứ theo công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM, thực hiện Công văn số 5954/SGDĐT-GDMN&GDTH ngày 26/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với Giáo dục Tiểu học, trường Tiểu học Hùng Thắng đã xây dựng kế hoạch số 54/KH-THHT ngày 12/9/2025 về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM năm học 2025-2026.

Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho 100% CBQL, giáo viên; tổ chức các chuyên đề, hội thảo rút kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn để thực hiện tốt nội dung giáo dục;

Nhà trường quan tâm bố trí 1 phòng học để trang bị các sản phẩm STEM. Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM.

Hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Số chủ đề/bài học Stem đã thực hiện trong HKI: 71 bài học

Trong đó:

- Lớp 1: 16 bài học
- Lớp 2: 10 bài học
- Lớp 3: 17 bài học
- Lớp 4: 12 bài học
- Lớp 5: 16 bài học

Nhà trường tổ chức câu lạc bộ giáo dục STEM cho học sinh lớp 3,4,5 có sở thích, nguyện vọng. Tổng số học sinh tham gia là $315/580 = 54,3\%$.

* Những khó khăn bất cập trong quá trình thực hiện giáo dục STEM

- Với những học sinh chậm, học sinh nhỏ việc góp ý, ngôn ngữ diễn đạt đưa ra ý tưởng, thực hành, còn phụ thuộc nhiều vào gợi ý của giáo viên.
- Kinh phí mua một số vật liệu để tạo ra sản phẩm.

c. Triển khai giáo dục kỹ năng công dân số, năng lực số

Căn cứ công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ GD&ĐT về hướng triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học, trường Tiểu học Hùng Thắng đã xây dựng kế hoạch số 66/KH-THHT ngày 22/9/2025 về giáo dục kỹ năng công dân số năm học 2025-2026.

Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ giáo viên về Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT về Khung năng lực số cho người học; hướng dẫn các tổ chuyên môn nghiên cứu khung năng lực số dành cho học sinh tiểu học; lựa chọn địa chỉ lồng ghép trong các môn học và HĐGD đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh tiểu học và điều kiện của nhà trường; bảo đảm mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan; không gây áp lực, quá tải cho học sinh và giáo viên.

Hình thức chủ đạo, cơ bản trong các hình thức giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học là thực hiện dạy học môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018. Mỗi bài học tin học được thiết kế đảm bảo đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt theo quy định trong chương trình, chú trọng đến yêu cầu về phẩm chất, năng lực, nhất là năng lực tin học và kỹ năng số.

Giáo viên vận dụng các phương pháp và các hình thức tổ chức một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh

tiêu học và các điều kiện cụ thể. Chủ động phối hợp với các môn học khác để đạt được hiệu quả trong dạy học liên môn. Tổ chức và hướng dẫn hoạt động để học sinh tích cực, chủ động và sáng tạo trong khám phá kiến thức, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề, chú trọng khuyến khích học sinh làm ra sản phẩm số. Phát huy khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn, khả năng tự học, tự rèn luyện các kỹ năng sử dụng các công cụ kỹ thuật số giúp học sinh có thể liên tục phát triển năng lực tin học, thích ứng được với những thay đổi của công nghệ kỹ thuật số và chuyển đổi số.

d. Các nội dung tích hợp khác

Dạy lồng ghép giáo dục Quốc phòng và an ninh theo thông tư số 08/2024/TTBGDDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục Quốc phòng và an ninh trong trường Tiểu học, THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Dạy lồng ghép lý tưởng cách mạng theo quyết định số 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2023 phê duyệt tài liệu hướng dẫn tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho học sinh tiểu học trong các môn học; Công văn số 7235/BGDĐT-GDTH ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc hướng dẫn sử dụng tài liệu tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho học sinh tiểu học;

- Dạy lồng ghép phòng cháy chữa cháy; Lồng ghép tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch,.....

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1. Sắp xếp, bố trí các phòng học, phòng chức năng

+ Tổng số phòng học là 28 phòng/28 lớp. 100% phòng học là phòng kiên cố

- Tổng số phòng học bộ môn là 07:

Phòng ngoại ngữ: 03 phòng;

Phòng Âm nhạc: 01 phòng;

Phòng Mỹ thuật: 01 phòng;

Phòng Tin học: 01 phòng;

Phòng đa chức năng: 01 phòng.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập: 05 phòng (đủ)

Chia ra:

- Phòng Thư viện: 1;

- Phòng Thiết bị giáo dục: 1;

- Phòng Tư vấn học đường: 1 (chung với phòng y tế);

- Phòng Truyền thống: 1 (chung với phòng Đội);

- Phòng Đội: 1.
 - + Khối phòng hành chính, quản trị: 4 phòng (gồm 1 phòng hiệu trưởng, 1 phòng phó hiệu trưởng, 1 phòng kế toán, 1 phòng tiếp công dân).
 - + Khối phụ trợ:
 - Phòng họp: 01
 - Y tế học đường: 01
 - Công trình vệ sinh HS: 2. Đạt yêu cầu 2, không đạt yêu cầu 0
 - Công trình vệ sinh GV: 2 Đạt yêu cầu 2, không đạt yêu cầu 0
 - Nhà để xe cho HS: 245m², nhà để xe cho GV: 105m².
 - + Sân chơi, sân tập thể dục thể thao
 - Sân chơi: 3160m²
 - Sân tập thể dục thể thao: 1300m²
 - + Hạ tầng kỹ thuật
 - Số máy tính phục vụ CBQL, GV, NV: 30
 - Số máy tính phục vụ học tập của HS: 38
- => Đủ máy tính phục vụ học tập cho học sinh.

2.2. Bổ sung trang thiết bị, học liệu

Trong học kì 1, nhà trường đã mua và lắp đặt 03 tivi, sửa chữa nhỏ: Sửa chữa tivi, máy tính phục vụ dạy học, sửa chữa bóng điện, bóng tít, quạt, đường nước, thiết bị nhà vệ sinh hồng, bổ sung CSVC khác bằng nguồn chi thường xuyên và nguồn hỗ trợ dạy học 2 buổi/ngày của đơn vị trị giá 174.229.059 đồng.

100% các phòng học đã được trang bị ti vi, hệ thống mạng phục vụ cho dạy, học.

Nhà trường đã xây dựng kho học liệu số với 257 bài giảng để GV sử dụng; khuyến khích GV khai thác kho học liệu số của ngành giáo dục, lựa chọn đưa vào bài giảng. Bước đầu đã ứng dụng các học liệu số như: ngân hàng câu hỏi điện tử, bài kiểm tra trực tuyến, phần mềm hỗ trợ đánh giá (Google Form, Quizizz, Azota, LMS...). Giáo viên từng bước tiếp cận và khai thác học liệu số trong kiểm tra thường xuyên, đánh giá quá trình học tập của học sinh. Ứng dụng học liệu số trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Sử dụng bài tập, câu hỏi trực tuyến để kiểm tra nhanh đầu giờ, cuối bài, cuối chủ đề. Kết hợp đánh giá qua sản phẩm học tập số (bài trình chiếu, video, bài viết, sơ đồ tư duy...). Tăng cường đánh giá quá trình, chú trọng nhận xét, phản hồi kịp thời cho học sinh.

2.3. Bảo đảm sách giáo khoa

Các bản sách giáo khoa đang sử dụng năm học 2025-2026: Nhà trường sử dụng sách giáo khoa của bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, riêng đối với

môn tiếng Anh lớp 1,2 sử dụng sách giáo khoa của bộ sách Phonics Smart – LBUK của VPBOX.

Trong học kỳ I, 100% số HS của trường có đủ sách giáo khoa để học tập.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu bài học/chủ đề trong sách giáo khoa để phù hợp với thực tiễn sắp xếp địa giới hành chính và chính quyền địa phương hai cấp. Đối với môn học Lịch sử và Địa lý lớp 4, lớp 5, các giáo viên đã thực hiện tốt việc điều chỉnh những ngữ liệu liên quan đến thay đổi địa giới hành chính và đáp ứng được yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

Đối với tài liệu giáo dục địa phương, Tổ chuyên môn tổ chức thảo luận chủ động lựa chọn các nội dung, chủ đề trong tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đã được Bộ GDĐT phê duyệt đưa vào giảng dạy.

2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL

a. Báo cáo tình hình đội ngũ: Đã báo cáo tại mục I, phần 2.

b. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo, chuyên môn nghiệp:

- Tham gia các lớp tập huấn do Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT tổ chức:

- + 100% CBGVNV được bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ đáp ứng CTGDPT 2018: bồi dưỡng về năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm, ứng xử, kiểm tra đánh giá, sử dụng CNTT, chuyển đổi số...

- + 100% CBGVNV thực hiện nghiêm túc việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện văn hóa cơ quan, cải cách hành chính.

- Tham gia bồi dưỡng tập huấn của cấp trên với 150 lượt cán bộ giáo viên nhân viên theo đúng thành phần quy định, thời gian tập huấn đảm bảo hiệu quả tập huấn:

- + Tập huấn cơ sở dữ liệu ngành

- + Tham dự hội nghị triển khai phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp

- + Tập huấn trực tuyến Tiếng Anh Phonics

- + Tập huấn công tác Phổ cập giáo dục

- + Tập huấn báo cáo chữ ký số

- + Tập huấn vận hành cổng thông tin điện tử ngành GD&ĐT

+ Tập huấn sử dụng kỹ và triển khai hồ sơ sổ với GD Tiểu học năm học 2025-2026

+ Tập huấn CSDL ngành

+ Tập huấn bộ tài liệu “Trí tuệ nhân tạo” từ lớp 1 đến lớp 12

+ Tập huấn sử dụng ứng dụng học tập Tiếng Anh GlobalSpeak Nhà xuất bản GDVN

+ Tập huấn nâng cao năng lực cho CBQL, Gv dạy Âm nhạc, Mỹ thuật thông qua hoạt động GD Stem

+ Tập huấn bếp ăn tập thể trong trường học

+ Tập huấn triển khai khung năng lực số

+ Tập huấn công tác thi đua khen thưởng

+ Tập huấn GD Stem

+ Tập huấn công tác tài chính

c. Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng tại đơn vị

- Học tập nhiệm vụ năm học 2025-2026, hướng dẫn các tổ xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD, Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên và thực hiện nhiệm vụ năm học. Bộ phận chuyên môn xây dựng quy chế chuyên môn và tổ chức tập huấn cho tất cả GV, Bồi dưỡng lòng ghép kỹ năng công dân số.

- Bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực nghề nghiệp:

07 đợt CBGV tham dự SHCM cấp thành phố về tổ chức dạy học các môn học/HĐGD (100% giáo viên tham dự qua đường link)

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn: Tổ chức SHCM theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020. Tập trung vào phát triển các kỹ năng, phương pháp, kỹ thuật dạy học giúp giáo viên phát triển chuyên môn, dạy học chương trình GDPT; Tích cực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục; GD lòng ghép phát triển năng lực phẩm chất cho học sinh/

- Các chuyên đề chuyên môn đã thực hiện tại đơn vị:

Cấp tổ chức	SL	Nội dung
Cấp Tổ	39	Khối 1: - Chuyên đề “Dạy học Toán, Tiếng Việt 1 chương trình GDPT 2018”. - Chuyên đề “Dạy học Tiếng Anh theo chương trình GDPT 2018”. - Nghiên cứu Thông tư 17/2025 /TT - BGDDĐT ngày 12/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số ND trong chương trình GDPT ban hành kèm TT 32/2018-TT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

	4. Nghiên cứu Thông tư số 02/2025/ TT- BGDDĐT ngày 24/01/2025 Quy định khung năng lực số cho người học. 5. Thảo luận các nội dung tích hợp Năng lực số và Giáo dục An toàn giao thông trong các môn học và HĐGD cho HS lớp 1 năm học 2025- 2026. 6. SHCM theo hướng nghiên cứu bài học môn Tiếng Việt chương trình GDPT 2018. 7. Xây dựng ma trận đề kiểm tra môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh cuối học kì 1. 8. Nghiên cứu Công văn số 7802/BGDĐT - GDPT về việc hướng dẫn thực hiện Học bạ số đối với GDPT và GDTX năm học 2025 - 2026. Khối 2 1. SHCM theo hướng nghiên cứu bài học môn Toán và Tiếng Việt 2 CTGDPT 2018 2. Nghiên cứu thông tư 17/2025 /TT - BGDDĐT ngày 12/9/2025 3. Nghiên cứu kĩ thuật viết yêu cầu hiệu quả khi ứng dụng AI trong dạy học. 4. Nghiên cứu TT số 02/2025/ TT- BGDDĐT ngày 24/01/2025 5.Thảo luận bổ sung nội dung tích hợp Năng lực số.; GD An toàn giao thông trong các môn học và HĐGD cho HS lớp 2 năm học 2025- 2026 6.Nghiên cứu, xây dựng, thống nhất ND ôn tập kiểm tra; XD ma trận đề và đề KT các môn học và HĐGD cuối học kì 1. 7. Nghiên cứu CV số 7802/BGDĐT - GDPT về việc hướng dẫn thực hiện học bạ số đối với GVPT và GDTX năm học 2025 - 2026. Khối 3: 1. Dạy Toán, Tiếng Việt lớp 3 chương trình GDPT 2018 ứng dụng công nghệ AI 2. Nghiên cứu TT 17/2025 /TT - BGDDĐT ngày 12/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung CT GDPT ban hành kèm theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục & Đào tạo 3. Dạy HĐTN lớp 3 chương trình GDPT 2018 4. Kinh nghiệm quản lí lớp học linh hoạt, tích cực 5. Phát triển hệ thống dạy học - Đánh giá tự động bằng công nghệ lập trình ứng dụng
--	---

	6. Nghiên cứu TT số 02/2025/ TT- BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định khung năng lực số cho người học 7. Thảo luận, lựa chọn bài học tích hợp giáo dục An toàn giao thông lớp 3 năm học 2025-2026 8. Thảo luận bổ sung các nội dung tích hợp GD KN CDS cho HS lớp 3 năm học 2025- 2026 9. Thảo luận, thống nhất ma trận và đề kiểm tra các MH và HĐGD cuối học kì 1 10. Nghiên cứu CV số 7802/BGDĐT - GDPT về việc hướng dẫn thực hiện học bạ số đối với GVPT và GDTX năm học 2025 - 2026. Khối 4 1. SHCM theo hướng nghiên cứu bài học môn Toán và Tiếng Việt CTGDPT 2018 2. Nghiên cứu thông tư 17/2025 /TT - BGDĐT ngày 12/9/2025 3. Nghiên cứu TT số 02/2025/ TT- BGDĐT ngày 24/01/2025 4.Thảo luận bổ sung nội dung tích hợp GDKNCDS cho HS lớp 4 năm học 2025- 2026 5. SHCM theo hướng nghiên cứu bài học môn Toán và Tiếng Việt CTGDPT 2018 nhằm phát triển NL, phẩm chất cho HS 6.Thảo luận, thống nhất ma trận đề và đề KT các môn học và HĐGD cuối học kì 1 7. Nghiên cứu CV số 7802/BGDĐT - GDPT về việc hướng dẫn thực hiện học bạ số đối với GVPT và GDTX năm học 2025 - 2026. Khối 5 1. SHCM theo hướng nghiên cứu bài học: Ứng dụng CN AI môn Toán và Tiếng Việt CTGDPT 2018 2. Nghiên cứu TT 17/2025 /TT - BGDĐT ngày 12/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung CT GDPT ban hành kèm theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục & Đào tạo 3. Nghiên cứu TT số 02/2025/ TT- BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định khung năng lực số cho người học 4. Thảo luận các nội dung tích hợp Năng lực số và giáo dục An toàn giao thông trong các môn học và HĐGD cho HS lớp 1 năm học 2025- 2026. 4. SHCM theo hướng nghiên cứu bài học: Dạy học Toán 5 - Ứng dụng CN AI tạo hứng thú học tập cho HS 6. Thảo luận, thống nhất ma trận và đề kiểm tra các MH và HĐGD
--	--

		lớp 5 cuối học kì 1 7. Nghiên cứu CV số 7802/BGDĐT - GDPT về việc hướng dẫn thực hiện học bạ số đối với GVPT và GDTX năm học 2025 - 2026.
Cấp trường	9	- Tập huấn GD kĩ năng công dân số, Giáo dục Stem, Giáo dục ANQP; Công nghệ AI - Thiết kế bài giảng điện tử Ứng dụng công nghệ AI, trình bày các sản phẩm công nghệ AI, giới thiệu hướng dẫn sử dụng một số phần mềm phục vụ cho công tác giảng dạy - Trao đổi quy chế chuyên môn năm học 2025 - 2026 - Ứng dụng công nghệ AI trong dạy học Toán, Tiếng Việt 5 - Kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học - Dạy Viết, dạy Toán cho HS lớp 2 theo hướng tích hợp liên môn, phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh: - Tổ chức bài học STEM trong môn TN-XH; giáo dục kĩ năng công dân số trong môn Công nghệ 3 chương trình GDPT 2018: - GD KNCDS trong môn Khoa học và Công nghệ 4 - Ứng dụng CNTT và CDS trong môn Toán 5 - CT GDPT 2018
Liên trường	1	- Dạy học Toán - Tiếng Việt 5 tích hợp liên môn - Ứng dụng CN AI tạo hứng thú học tập cho HS

- Tổ chức cho GV thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường để giáo viên có cơ hội được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm. Tổng số có 12 giáo viên đủ điều kiện tham gia và được công nhận.

- Thực hiện Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường, Ban giám hiệu đã tổ chức quán triệt Quyết định 2372/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính Phủ, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Thành phố, của Sở GD&ĐT về việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường tới CBGV, NV; xây dựng kế hoạch từng bước thực hiện lộ trình; quan tâm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh; bổ sung các điều kiện để dạy học Tiếng Anh. Chỉ đạo tăng cường giao tiếp Tiếng Anh trong các giờ dạy văn hóa, trang bị các khẩu hiệu tuyên truyền bằng Tiếng Anh...; động viên giáo viên dạy văn hóa học tập để nâng cao trình độ tiếng Anh.

3. Thực hiện các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và phát triển năng lực số

3.1. Việc thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức dạy học

- Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng

phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tích tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hàng ngày.

- Xây dựng kế hoạch dạy học đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường, địa phương; đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, dạy học 2 buổi/ngày; tuân thủ các nguyên tắc, phương pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Giáo viên chủ nhiệm đã xây dựng kế hoạch phối hợp với giáo viên buổi 2 để phụ đạo học sinh yếu kém trong các giờ học buổi 2. Coi trọng công tác bồi dưỡng phát hiện học sinh có năng khiếu. Xây dựng điển hình học tập ở các lớp, tạo động lực thi đua trong học tập, phấn đấu vươn lên. Dạy cho học sinh biết cách tự học, giáo dục kĩ năng sống, giá trị sống, ý thức tự giác học tập, hiểu biết xã hội cho học sinh. Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và khả năng học tập của học sinh.

- Tiếp tục đẩy mạnh dạy học phân hoá, dạy học tích hợp, dạy học cá thể, quan tâm hơn đến từng em học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông.

- 100 % Đội ngũ Giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp kĩ thuật dạy học tích cực, những thành tích tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

3.2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá

- Đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

- Ứng dụng tốt công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- 100 % Đội ngũ Giáo viên thực hiện đánh giá đúng theo Thông tư.

- 100% học sinh được nhận xét đánh giá thường xuyên thông qua nhận xét bằng ghi lời phê trên vở học sinh và nhận xét tư vấn trực tiếp bằng lời trong các hoạt động dạy - học.

- 100 % Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn căn cứ mục tiêu của chương trình, chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt của chương trình đối với từng môn học (đánh giá bằng điểm số) xây dựng ma trận đối với các môn kiểm tra định kì.

Kết quả đánh giá học sinh học kỳ I năm học 2025-2026 (tính cả HS khuyết tật học hòa nhập):

Môn học	Tổng số HS	Số HS đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Toán	906	906	637	70.31	255	28.15	15	1.55
Tiếng Việt	906	906	619	68.32	271	29.91	16	1.77
Mỹ thuật	906	906	642	70.86	256	28.26	8	0.88
Âm nhạc	906	906	616	67.99	281	31.02	9	0.99
GD thể chất	906	906	687	75.83	231	23.51	6	0.66
Đạo đức	906	906	699	77.15	200	22.08	7	0.77
Tự nhiên - Xã hội	906	523	373	41.17	142	15.67	8	0.88
Tin học và CN (Tin học)	906	580	391	43.16	188	20.75	1	0.11
Tin học và Công nghệ (CN)	906	580	413	45.58	166	18.32	1	0.11
HD trải nghiệm	906	906	622	73.07	237	26.16	7	0.77
Tiếng Anh	906	906	611	76.44	282	31.13	13	1.43
Khoa học	906	383	282	73.63	101	26.37	0	0
Lịch sử & Địa lý	906	383	269	70.24	113	29.5	1	0.26

- Năng lực:

Năng lực	Tổng	Số HS	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
----------	------	-------	-----	-----	-------------

		số HS	đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	906	906	620	68.4	277	30.6	9	1
	Giao tiếp và hợp tác	906	906	629	69.4	269	29.7	8	0.9
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	906	906	542	59.8	352	38.9	12	1.3
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	906	906	581	64.1	312	34.4	13	1.4
	Tính toán	906	906	610	67.3	285	31.5	11	1.2
	Khoa học	906	906	633	69.9	266	29.4	7	0.8
	Thẩm mỹ	906	906	620	68.4	280	30.9	6	0.7
	Thể chất	906	906	661	73	239	26.4	6	0.7
	Công nghệ	906	580	398	68.6	181	31.2	1	0.2
	Tin học	906	580	374	64.5	205	35.3	1	0.2

- Phẩm chất:

Phẩm chất	Tổng số HS	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Yêu nước	906	906	782	86.3	120	13.2	4	0.4
Nhân ái	906	906	766	84.5	136	15.0	4	0.4
Chăm chỉ	906	906	642	70.9	256	28.3	8	0.9
Trung thực	906	906	723	79.8	177	19.5	6	0.7
Trách nhiệm	906	906	689	76.0	211	23.3	6	0.7

*** Đánh giá** (so sánh với cùng kỳ năm học trước và so với chỉ tiêu, kế hoạch đề ra):

- So sánh với cùng kỳ năm học trước:

Môn Toán: Số học sinh chưa hoàn thành giảm 0,35%;

Môn Tiếng Việt: Số HS chưa hoàn thành giảm 0,03%;

Môn Tiếng Anh: Số HS chưa hoàn thành giảm 1,11 %.

- So sánh với chỉ tiêu, kế hoạch đề ra:

Môn Toán: Số học sinh chưa hoàn thành cao hơn chỉ tiêu 0,44%;

Môn Tiếng Việt: Số HS chưa hoàn thành cao hơn chỉ tiêu 0,97%;

Môn Tiếng Anh: Số HS chưa hoàn thành cao hơn chỉ tiêu 0.23 %.

3.3. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số

Căn cứ công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ GD&ĐT về hướng triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học, trường Tiểu học Hùng Thắng đã xây dựng kế hoạch số 66/KH-THHT ngày 22/9/2025 về giáo dục kỹ năng công dân số năm học 2025-2026.

Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ giáo viên về Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT về Khung năng lực số cho người học; hướng dẫn các tổ chuyên môn nghiên cứu khung năng lực số dành cho học sinh tiểu học; lựa chọn địa chỉ lồng ghép trong các môn học và HĐGD đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh tiểu học và điều kiện của nhà trường; bảo đảm mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan; không gây áp lực, quá tải cho học sinh và giáo viên.

Hình thức chủ đạo, cơ bản trong các hình thức giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học là thực hiện dạy học môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018. Mỗi bài học tin học được thiết kế đảm bảo đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt theo quy định trong chương trình, chú trọng đến yêu cầu về phẩm chất, năng lực, nhất là năng lực tin học và kỹ năng số.

Giáo viên vận dụng các phương pháp và các hình thức tổ chức một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh tiểu học và các điều kiện cụ thể. Chủ động phối hợp với các môn học khác để đạt được hiệu quả trong dạy học liên môn. Tổ chức và hướng dẫn hoạt động để học sinh tích cực, chủ động và sáng tạo trong khám phá kiến thức, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề, chú trọng khuyến khích học sinh làm ra sản phẩm số. Phát huy khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn, khả năng tự học, tự rèn luyện các kỹ năng sử dụng các công cụ kỹ thuật số giúp học sinh có thể liên tục phát triển năng lực tin học, thích ứng được với những thay đổi của công nghệ kỹ thuật số và chuyển đổi số.

Triển khai Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục.

Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý và dạy học; đa số hồ sơ của giáo viên và nhà trường đã được số hóa. Khai thác, sử dụng hiệu quả AI trong hỗ trợ tư vấn, cá nhân hóa học tập, đánh giá chính sách góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả quản trị nhà trường.

4. Công tác phổ cập giáo dục

- Hoàn thành việc điều tra bổ sung phổ cập năm 2025, cập nhật số liệu trên phần mềm theo đúng tiến độ; hoàn thành hồ sơ phổ cập theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

* Kết quả :

- Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1: 171/171 trẻ, đạt tỉ lệ 100%;
- Duy trì sĩ số: Số HS bỏ học 0
- Kết quả công nhận năm 2025: PCGD TH: mức độ 3, XMC: mức độ 2
- Tổng số học sinh khuyết tật học hòa nhập: 25 em = 2,176% (trong đó: khối 1- 13 em, khối 2 - 2 em, khối 3 - 2 em, khối 4 - 5 em, khối 5 - 3 em); trong đó số học sinh khuyết tật có hồ sơ là 9/25 học sinh khuyết tật.

Việc thực hiện các quy định, chính sách đối với giáo dục người khuyết tật: Thực hiện thanh toán hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP; trường có 9 học sinh có hồ sơ được nhà nước hỗ trợ chi phí học tập hàng tháng. Nhà trường quan tâm trong việc hỗ trợ kinh phí để học sinh có đủ sách giáo khoa, đồ dùng học tập ngay từ đầu năm học, tặng thẻ bảo hiểm thân thể, hỗ trợ suất ăn trưa cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm quan tâm, chia sẻ hoàn cảnh của từng học sinh, động viên, trao quà nhân dịp khai giảng năm học mới, Tết Trung thu.

Thực hiện các quy định về giáo dục HS khuyết tật học hòa nhập: Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật, giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch hỗ trợ từng học sinh khuyết tật theo quy định, thực hiện đánh giá sự tiến bộ của học sinh theo tháng, đề ra kế hoạch hỗ trợ tư vấn thời gian tiếp theo.

Kết quả đánh giá HS khuyết tật:

Học sinh tham gia đánh giá: 25 em. Trong đó:

- + Các môn học và HĐGD: Hoàn thành Tốt: 01 em Hoàn thành: 10 em; Chưa hoàn thành: 14 em
- + Các năng lực: Tốt: 1 em; Đạt: 10 em; cần cố gắng: 14 em
- + Các phẩm chất: Tốt 1 em; Đạt: 14 em; cần cố gắng: 10 em.

5. Công tác kiểm tra nội bộ

- Tự kiểm tra toàn diện nhà trường: 01

- Kiểm tra thường xuyên: 08
- Kiểm tra đột xuất: 06
- Kiểm tra chuyên đề: 06
- Kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên:

Đối tượng kiểm tra	Tổng số GV	Số GV được KT HKI	Tốt/Giỏi		Khá		Trung bình	
			SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
Tiết dạy	38	21	38	51.35	36	48.65	0	
Hồ sơ CM	38	21	16	76.19	5	23.81	0	

6. Công tác phối hợp: Công tác Đội và phong trào thiếu nhi, công tác y tế trường học

6.1. Công tác Đội và phong trào thiếu nhi trường học

- Tổ chức tốt đại hội các chi đội, Liên đội năm học 2025-2026;
- Thực hiện tốt 5 chương trình công tác Đội theo chỉ đạo của Thành đoàn;
- Làm tốt công tác tuyên truyền theo chủ đề tháng, tuyên truyền tốt về ATGT và phòng chống dịch bệnh theo mùa;
- Liên đội tham gia các cuộc thi do cấp trên phát động như:
 - + Liên đội tham gia các cuộc thi: viết “*Những kỉ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường*” (tháng 10), vẽ tranh “*Chiếc ô tô mơ ước*” (tháng 11);
 - + Tuyên truyền, triển khai giúp học sinh tìm hiểu “*Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ*”, nhà trường đã tổ chức “*Tìm hiểu An toàn giao thông năm 2025*” (tháng 12) và các nội dung trong Ngày hội “*Tự hào Quân đội Nhân dân Việt Nam – Học sinh Hùng Thắng chấp hành tốt Luật An toàn giao thông*”, qua đó góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết, ý thức kỷ luật và xây dựng nếp sống văn minh, chấp hành tốt Luật An toàn giao thông cho đội viên, nhi đồng.

6.2. Hoạt động ngoại khóa

- Tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa: chiều thứ tư tuần 4 hàng tháng Liên đội tổ chức tham gia chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, tham gia lao động cải tạo cảnh quan, tổng vệ sinh trường lớp. Tổ chức vui tết Trung thu, - Tổ chức cho học sinh tham gia các tiết mục văn nghệ chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I, Hội nghị tổng kết năm học 2024-2025 và triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026, Kỉ niệm 43 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam, Lễ khai giảng năm học mới,... Tổ chức giáo dục kĩ năng sống, giáo dục an toàn giao thông, tuyên truyền giáo dục phòng bệnh, phòng dịch,...phát huy tốt hệ thống phát thanh măng non

trường học.

6.3. Hoạt động nhân đạo từ thiện

- Tổ chức cho CB, GV, NV, HS tham gia các đợt ủng hộ từ thiện do cấp trên phát động, mua tăm tre ủng hộ hội Người mù, giao lưu nghệ thuật nhân đạo,....

- CB, GV, NV, HS ủng hộ các cuộc vận động:

+ Mua tăm tre nhân đạo: 18.000.000 đồng;

+ Ủng hộ nhân dân Cu Ba 6.200.000 đồng;

+ Ủng hộ các tỉnh vùng núi phía Bắc khắc phục hậu quả lũ lụt: 44.064.000 đồng;

+ Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2025: 4.700.000 đồng;

+ Ủng hộ các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên khắc phục hậu quả lũ lụt: 47.516.000 đồng;

+ Ủng hộ hiệp hội người khuyết tật Việt Nam: 3.740.000 đồng

Tổng số tiền ủng hộ trong học kì 1 là: **124.220.000** đồng.

6.4. Công tác Y tế học đường

- Số HS tham gia BHYT đạt 906/906 em = 100%.

- Công tác vệ sinh học đường được quan tâm, đảm bảo trường lớp sạch sẽ, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, lớp học đủ ánh sáng.

- Duy trì việc kiểm tra, đánh giá công tác tổng vệ sinh toàn trường 1 lần/tuần.

- Trong HKI nhà trường đã tổ chức khám bệnh định kì cho 100% học sinh. Tích cực tuyên truyền phòng dịch bệnh và phòng bệnh theo mùa. Phối hợp với trạm y tế rà soát, tiêm phòng bổ sung vắc xin bạch hầu, uốn ván cho HS lớp 2, tiêm phòng cúm và viêm gan A cho học sinh.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị UBND Thành phố, UBND xã quan tâm, phân bổ kinh phí cho các trường mua sắm trang thiết bị phòng học các môn chuyên, phòng học thông minh.

Nơi nhận:

- UBND xã, phòng VH-XH xã;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Chi

